

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

- 3.2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, vắng mặt.
- 3.3. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P, vắng mặt.
- 3.4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, vắng mặt.
- 3.5. UBND thị trấn P.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng H – Công chức địa chính xây dựng đô thị môi trường thị trấn P, vắng mặt.

3.6. Ông Lê L (chết).

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông L: các ông, bà: Trịnh Thị X; Lê Thị Xuân T; Lê Thị Xuân T1; Lê Ngọc T2; Lê Ngọc T3; cùng địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985 (vợ ông T2); địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Trịnh Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:

Tôi và chồng tôi là Lê L (sinh năm 1948, chết năm 2014) cưới nhau năm 1977. Năm 1978, chúng tôi xin đất để xây dựng nhà ở. Vì chồng tôi là bộ đội phục viên, thương binh nên được Nhà nước ưu tiên cấp cho 1 thửa đất tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Việc cấp đất này không có giấy tờ gì, cũng không đo đạc xác định diện tích cụ thể mà chỉ có cán bộ ông Huỳnh Thế Q (chết) - Chủ tịch xã H chỉ đất cho vợ chồng tôi ra ở. Vợ chồng tôi nhận đất, xây dựng nhà ở từ đó cho đến nay, có ranh giới rõ ràng với các hộ dân liền kề.

Năm 2004 - 2005, UBND huyện P thu hồi một phần nhà đất của vợ chồng tôi để làm đường nội thị dọc kênh thủy lợi chính bắc. Khi thu hồi đất cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P không tiến hành đo đạc để xác định diện tích đất thực tế gia đình tôi sử dụng và diện tích đất cần phải thu hồi mà chỉ dựa vào hồ sơ địa chính. Theo hồ sơ địa chính thì đất của nhà tôi là 688m², gồm 200m² đất ở, 200m² đất quy hoạch thổ và 288m² đất vườn, tuy nhiên thực tế đất của nhà tôi là hơn 800m².

Lúc đầu, Hội đồng bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện P làm việc nói là sẽ thu hồi 688m² đất của nhà tôi, nhưng sau đó nhà tôi đề nghị và được chấp nhận để lại 200m² đất vườn không thu hồi. Việc thu hồi và để lại đất này chỉ nói bằng biên bản chứ không có đo vẽ gì, cũng không có quyết định thu hồi đất. Thực tế, phần đất không thu hồi còn lại là gần 400m², gia đình tôi tiếp tục xây dựng lại nhà ở và sinh sống trên diện tích đất này từ đó đến nay. Năm 2014, chồng tôi Lê L chết. Năm 2020, tôi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với diện tích đất trên thì UBND huyện P chỉ cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 200m², gồm:

- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 381015 ngày 24 tháng 3 năm 2020 thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, diện tích 107,7m².

- GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 058931 ngày 17 tháng 01 năm 2020 thửa đất số 199, tờ bản đồ số 34, diện tích 92,3m².

Nhận thấy UBND huyện P cấp GCNQSDĐ thiếu diện tích đất so với thực tế sử dụng, nên năm 2021 tôi tiếp tục làm Đơn gửi UBND huyện P (nộp hồ sơ tại UBND thị trấn P) để xin cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất còn lại. Qua nhiều lần đo đạc, kiểm tra của các cơ quan chức năng thuộc UBND huyện P, gồm Phòng T4, Chi nhánh Văn phòng Đ và UBND thị trấn P xác định diện tích đất còn lại của gia đình tôi là 173m² thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình tôi, không lấn chiếm đường đi, phù hợp quy hoạch đất ở đô thị, đủ cơ sở để được cấp GCNQSDĐ, nhưng các cơ quan chức năng đều không thực hiện. Sau nhiều lần yêu cầu trả lời nêu rõ lý do vì sao không cấp GCNQSDĐ thì UBND huyện P ban hành các văn bản trả lời, gồm:

- Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X (Công văn số 1142/UBND).

- Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X (Công văn số 1289/UBND).

Trong các văn bản này, UBND huyện P cho rằng diện tích đất này đã được thu hồi, bồi thường và hiện do UBND thị trấn P quản lý. Tuy nhiên, cũng trong các văn bản này lại nói rằng không xác định được hiện trạng trước đây thì việc cho rằng diện tích này thuộc phạm vi giải tỏa là không thỏa đáng. Diện tích đất 173m² nói trên đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình tôi từ xưa đến nay, việc có chênh lệch giữa thực tế sử dụng và bản đồ địa chính là do có sai sót trong quá trình đo đạc trước đây. Khi thu hồi đất các cơ quan chức năng cũng không đo đạc lại nên không xác định được diện tích thực tế theo thực địa. Thực tế gia đình tôi đã bàn giao đất bị thu hồi theo mốc giới đường đi, diện tích đất này không lấn chiếm đường đi, phù hợp quy hoạch đất ở đô thị, đủ cơ sở để được cấp GCNQSDĐ.

Hiện tại, tôi chưa nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đối với hai thửa đất này, mà chỉ làm Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ cho phần đất thừa của tôi gửi UBND huyện P thì nhận được các Công văn trả lời số 1142/UBND và Công văn số 1289/UBND của UBND huyện P. Quá trình tôi quản lý sử dụng đất tại 02 thửa đất này tôi không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khi Nhà nước thu hồi 488m² đất của gia đình tôi thì Nhà nước có cấp 01 lô đất tái định cư diện tích 120m² tại khu dân cư N09 tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

Do đó, bà Trịnh Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Hủy Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Buộc UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 173m² tại thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên cho bà Trịnh Thị X theo như bản vẽ hiện trạng của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện đo vẽ ngày 30 tháng 12 năm 2022 với diện tích 174,4m² gồm 02 thửa đất: diện tích 125m² và diện tích 49,4m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Phạm Hồng P trình bày đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X.

2. Người bị kiện UBND huyện P: không cung cấp văn bản ý kiến và tài liệu chứng cứ đối với việc giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần có văn bản yêu cầu.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện P trình bày:

Khi bà Trịnh Thị X đề nghị UBND huyện P công nhận và cấp GCNQSDĐ cho bà phần diện tích theo hiện trạng đang sử dụng thì Phòng T4, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện và UBND thị trấn P đã tiến hành kiểm tra, đo đạc và đã tham mưu UBND huyện P có Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 để trả lời cho bà Trịnh Thị X. Theo đó, phần diện tích đất 173 m² tại thửa số 874, tờ bản đồ 371-A, loại đất BHK có nguồn gốc là của hộ bà Trịnh Thị X và đã được Nhà nước đền bù và thu hồi hết diện tích, hiện nay phần diện tích nói trên là đất do UBND thị trấn P quản lý. Như vậy, việc bà Trịnh Thị X đề nghị UBND huyện P công nhận và cấp GCNQSDĐ cho bà với diện tích 173m² tại thửa đất 874, tờ bản đồ 371-A là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P trình bày (theo Công văn số 07/PTQĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 của TTPTQĐ P):

- Theo hồ sơ địa chính: thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A, diện tích 688m² (trong đó: 200m² đất ở và 488m² đất vườn).

- Theo hồ sơ bồi thường: theo kết quả kiểm kê ngày 07 và 08 tháng 7 năm 2004; Biên bản làm việc ngày 17 tháng 5 năm 2005 giữa Hội đồng BTTH-GPMB huyện với hộ ông Lê L, bà Trịnh Thị X và Phiếu chi tiền BTTH-GPMB ngày 17 tháng 3 năm 2005, hộ ông Lê L đã nhận với số tiền 73.273.073 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy mươi ba đồng). Trong đó:

Diện tích được bồi thường tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A là: bồi thường đất ở 200m^2 ; bồi thường đất vườn 288m^2 , diện tích đất vườn còn lại là 200m^2 .

Tài sản: nhà ở cấp 4 và các công trình sinh hoạt.

Cây cối, hoa màu: theo bảng kiểm kê ngày 07 và 08 tháng 7 năm 2004.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P xác định diện tích đã bồi thường của hộ ông Lê L (vợ Trịnh Thị X) tại thửa đất 874, tờ bản đồ 371A là 488m^2 , trong đó: đất ở là 200m^2 , đất vườn (HNK) 288m^2 (theo Biên bản làm việc ngày 17 tháng 5 năm 2005). Như vậy, diện tích đất còn lại của hộ gia đình ông Lê L và bà Trịnh Thị X tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A là 200m^2 loại đất vườn (HNK).

Tại thời điểm thu hồi đất của hộ ông Lê L (chết) thì không tìm thấy bản vẽ hiện trạng thu hồi nên không cung cấp cho Tòa án được. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X thì Trung tâm Phát triển quỹ đất đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn P trình bày (Văn bản số 339/UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023):

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, UBND thị trấn P có nhận Đơn của bà Trịnh Thị X có hộ khẩu thường trú tại khu phố Đ, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên có nội dung: “Gia đình bà X ở tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A. Sau khi Nhà nước thu hồi đất làm đường, gia đình bà X còn thừa lại một số đất. Nay bà làm Đơn đề nghị UBND thị trấn P đến xem xét đo đạc lại để cấp cho gia đình bà số đất còn thừa lại”.

Sau khi kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ bồi thường, UBND thị trấn P báo cáo cụ thể như sau: theo hồ sơ địa chính hộ ông Lê L và bà Trịnh Thị X được cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP tại thửa đất 874, tờ bản đồ 371A, diện tích 688m^2 , trong đó: 200m^2 đất ở, 200m^2 đất vườn QHT, 288m^2 đất vườn liền kề đất ở.

Năm 2004, thực hiện công trình: đường nội thị - thị trấn huyện lỵ huyện P, đoạn G48-G62 dọc kênh chính bắc (đường 19m). UBND huyện P đã thu hồi của hộ gia đình ông Lê L và bà Trịnh Thị X diện tích 688m^2 . Trong đó 200m^2 đất ở, 200m^2 đất vườn QHT, 288m^2 đất vườn liền kề tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A, đã được đền bù về đất với số tiền 29.370.880 đồng. Gia đình ông L, bà X đã nhận đủ tiền và cam đoan giải phóng mặt bằng thi công công trình.

Tuy nhiên, sau đó hộ ông Lê L yêu cầu cắt lại diện tích đất vườn liền kề để lại cho gia đình ông sử dụng. Ngày 17 tháng 5 năm 2005, Hội đồng đền bù có buổi làm việc, đã xem xét và quyết định điều chỉnh cắt lại cho gia đình bà 200m^2 đất vườn liền kề và gia đình bà trả lại số tiền bồi thường là 5.152.000 đồng. Sau đó, ông L, bà X có xây dựng lại 1 ngôi nhà để ở trong phần diện tích 200m^2 để lại của gia đình bà X, tại số thửa số 874, tờ bản đồ 371A. Gia đình bà sử dụng ổn định và đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số CS 058931

ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại thửa đất số 199, tờ bản đồ 34 (mới), diện tích 92,3m² loại đất ODT và cấp GCNQSDĐ số CU381015, ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại thửa đất số 67, tờ bản đồ 34 (mới), diện tích 107,7m² loại đất ODT.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính và hồ sơ bồi thường thì hiện nay thửa đất trên không còn diện tích để cấp GCNQSDĐ. UBND thị trấn P không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà X. Thống nhất với các Công văn trả lời số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc T3, ông Lê Ngọc T2, bà Lê Thị Xuân T1, bà Lê Thị Xuân T, bà Nguyễn Thị H1: thống nhất với lời trình bày của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các điều 30, 32, 116, 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trịnh Thị X đối với các yêu cầu:

- Hủy Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Hủy Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Buộc UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 173m² tại thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên cho bà Trịnh Thị X theo như bản vẽ hiện trạng của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện đo vẽ ngày 30 tháng 12 năm 2022 với diện tích 174,4m² gồm 02 thửa đất: diện tích 125m² và diện tích 49,4m².

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 bà Trịnh Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trịnh Thị X trình gửi Đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận Đơn khởi kiện của tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Thị X trình bày: khi thu hồi đất UBND không đo lại đất để xác định đất bà X bao nhiêu, mà chỉ căn cứ theo Sổ mục kê là không chính xác. Thực tế thu hồi vượt quá mức bồi thường trước mà bà X đã nhận, còn phần gia đình yêu cầu cấp GCNQSDĐ là ngoài Sổ mục kê, phần dôi dư ngoài sổ mục kê UBND chưa thu hồi hết, phần anh T2 bị xử phạt không liên quan gì đến phần đất này. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà X, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận Đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Trịnh Thị X là trong thời hạn luật định. Bà Xanh có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: hộ ông Lê L, bà Trịnh Thị X được cân đối đất theo NĐ64/CP là 688m². Năm 2004 Nhà nước giải toả thu hồi hết đất và bồi thường. Hộ L, X xin lại 200m² đất vườn và trả lại tiền bồi thường cho Nhà nước 5.000.000đ và đã được cấp 2 GCNQSDĐ. Như vậy, yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với 173m² (Tòa án sơ thẩm đo đạc là 174,4m²) là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trịnh Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Thị X trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 bà Trịnh Thị X kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2023/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của bà Trịnh Thị X là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Bà Xanh kháng cáo và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 UBND huyện P ban hành Công văn số 1142/UBND trả lời Đơn của bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P với nội dung: bà Trịnh Thị X đề nghị UBND huyện P công nhận và cấp GCNQSDĐ cho bà với diện tích $137m^2$ tại thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A là không có cơ sở.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 UBND huyện P tiếp tục ban hành Công văn số 1289/UBND trả lời Đơn của bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P với nội dung: việc bà Trịnh Thị X đề nghị UBND huyện P công nhận và cấp GCNQSDĐ cho bà với diện tích $137m^2$ tại thửa đất 874, tờ bản đồ 371-A là không có cơ sở.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 bà Trịnh Thị X khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết: hủy Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P; buộc UBND huyện P cấp GCNQSDĐ cho bà đối với diện tích hiện trạng được đo vẽ ngày 30 tháng 12 năm 2022 là $174,4m^2$ tại thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A gồm 2 diện tích $125m^2$ và $49,4m^2$ tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Như vậy, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị X:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất:

Theo hồ sơ địa chính: hộ ông Lê L và bà Trịnh Thị X được cân đối đất theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A, diện tích $688m^2$; trong đó: $200m^2$ (T); $200m^2$ (vườn - QHT); $288m^2$ (vườn).

[3.2] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo kết quả kiểm kê ngày 07 và 08 tháng 7 năm 2004; Biên bản làm việc ngày 17 tháng 5 năm 2005 giữa Hội đồng BTTH-GPMB huyện P với hộ ông (bà) Lê L, Trịnh Thị X và Phiếu chi tiền ngày 17 tháng 3 năm 2005 thể hiện:

- "... Tổng diện tích đất thu hồi, bồi thường tại thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A là $688m^2$; trong đó: $200m^2$ đất ở; $488m^2$ đất vườn. Theo yêu cầu của hộ bà L thì cắt diện tích đất liền kề thuộc thửa đất số 874, tờ bản đồ 371A. Hội đồng đã xem xét và quyết định điều chỉnh cắt diện tích đất vườn như sau: diện tích đất vườn $488m^2$, cắt lại $200m^2$. Số tiền = $200m^2 \times 25.760đ/m^2 = 5.152.000đ$. Nếu đường dọc kênh chính bắc 19m lấn chiếm diện tích đất vườn trong $200m^2$ thì hộ ông Lê L không được cản trở để cho chủ đầu tư thi công... Số tiền thực nhận của hộ Lê L là 73.273.073đ...".

- “... Tôi Lê L, sinh năm 1948... đã nhận đủ số tiền bồi thường giải toả công trình: đường nội thị thị trấn huyện lỵ, huyện P đoạn G48-G62 dọc kênh chính B...”.

[3.3] Sau khi được cắt lại diện tích 200m² đất vườn, hộ gia đình ông L, bà X có xây dựng ngôi nhà để ở trong phần diện tích 200m² tại số thửa 874, tờ bản đồ 371A. Đồng thời, làm Đơn xin cấp GCNQSDĐ. UBND huyện P đã cấp GCNQSDĐ cho bà Trịnh Thị X gồm:

GCNQSDĐ số CS058931 ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại thửa đất số 199, tờ bản đồ 34 (đo đạc năm 2016) với diện tích 92,3m² loại đất ODT (thửa đất này bà Trịnh Thị X đã tặng cho ông Lê Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị H1 ngày 10 tháng 02 năm 2020).

GCNQSDĐ số CU381015 ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại thửa đất số 67, tờ bản đồ 34, diện tích 107,7m² loại đất ODT.

[3.4] Bà Trịnh Thị X cho rằng diện tích đất gia đình bà sử dụng từ trước đến nay lớn hơn 800m² diện tích đất bị thu hồi một phần, do đó đất của gia đình bà vẫn còn. Nhưng bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc đo vẽ, hồ sơ thu hồi đất của vợ chồng ông Lê L (chết) và bà Trịnh Thị X. Tuy nhiên, các cơ quan hành chính của huyện P cho rằng không cung cấp được do trở ngại khách quan.

[4] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và những nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: bản án sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác kháng cáo của bà Trịnh Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trịnh Thị X được miễn.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 4 Điều 225; khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị X. Bác kháng cáo của bà Trịnh Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng các điều 30, 32, 116, 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 100; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của UBND tỉnh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trịnh Thị X đối với các yêu cầu:

- Hủy Công văn số 1142/UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Hủy Công văn số 1289/UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện P về việc trả lời Đơn bà Trịnh Thị X, thường trú: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P.

- Buộc UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 173m² tại thửa đất số 874, tờ bản đồ số 371-A tại khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên cho bà Trịnh Thị X theo như bản vẽ hiện trạng của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện đo vẽ ngày 30 tháng 12 năm 2022 với diện tích 174,4m² gồm 02 thửa đất: diện tích 125m² và diện tích 49,4m².

3. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trịnh Thị X được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Cường

Võ Thị Ngọc Dung

Trần Quốc Cường